

Số: 15 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**THÔNG TƯ**

**Ban hành bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa  
thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Tổng cục trưởng các Tổng cục: Thủy sản, Lâm nghiệp; Cục trưởng các Cục: Bảo vệ thực vật, Thú y, Chăn nuôi, Trồng trọt, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Phụ lục I. Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

Mục 1. Bảng mã số HS đối với danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch.

Mục 2. Bảng mã số HS đối với danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

Mục 3. Bảng mã số HS đối với danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu.

Mục 4. Bảng mã số HS đối với danh mục môi trường pha loãng, bảo tồn tinh giống vật nuôi.

Mục 5. Bảng mã số HS đối với danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn.

Mục 6. Bảng mã số HS đối với danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch.

Mục 7. Bảng mã số HS đối với danh mục giống thủy sản nhập khẩu thông thường.

Mục 8. Bảng mã số HS đối với danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện.

Mục 9. Bảng mã số HS đối với danh mục các loài thủy sản sống được phép nhập khẩu làm thực phẩm.

Mục 10. Bảng mã số HS đối với danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu.

Mục 11. Bảng mã số HS đối với danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Mục 12. Bảng mã số HS đối với danh mục thực phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu phải kiểm tra an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mục 13. Bảng mã số HS đối với Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.

Mục 14. Bảng mã số HS đối với danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt.

Mục 15. Bảng mã số HS đối với danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm hạn chế trao đổi quốc tế.

Mục 16. Bảng mã số HS đối với danh mục muối (kể cả muối ăn và muối bị làm biến tính).

Mục 17. Bảng mã số HS đối với danh mục các sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.

Mục 18. Bảng mã số HS đối với danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam.

Mục 19. Bảng mã số HS đối với danh mục thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.

Mục 20. Bảng mã số HS đối với danh mục sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Mục 21. Bảng mã số HS đối với danh mục thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y được phép nhập khẩu lưu hành tại Việt Nam.

Mục 22. Bảng mã số HS đối với danh mục phân bón.

Mục 23. Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu là gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước.

Mục 24. Bảng mã HS đối với danh mục gỗ và sản phẩm chế biến từ gỗ khi xuất khẩu phải có hồ sơ lâm sản hợp pháp.

Mục 25. Bảng mã số HS đối với danh mục thuốc bảo vệ thực vật.

Mục 26. Bảng mã số HS đối với danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Mục 27. Bảng mã số HS đối với danh mục về lĩnh vực khai thác thủy sản.

2. Phụ lục II. Bảng mã số HS đối với Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trước thông quan thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 1768 dòng hàng.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

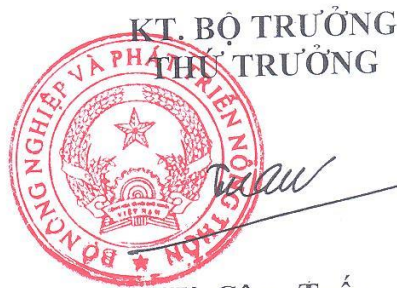
### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, bổ sung./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ (file điện tử);
- Tổng cục Hải quan;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (file điện tử);
- Công báo Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Lưu: VT, PC ( bản).



**Hà Công Tuấn**